TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2020
V/v "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Trường;

Ông Ngụy Thanh Tuyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Thái Thưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/02/20209 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1971; địa chỉ nơi cư trú: Xóm 3, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

Bị đơn: Ông Mai Văn B - Sinh năm 1964; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Xóm 3, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 21, phân trại số 1, Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Văn B trước khi kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/01/1989. Sau cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do Ông B có quan hệ ngoại tình, đánh đập bà và con. Ông B phạm tội và bị Tòa án xử phạt tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành án từ năm 2008 đến nay. Nay bà xét

thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông B nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Mai Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là: Mai Văn Th, sinh ngày 22/11/1989; Mai Văn Tr, sinh ngày 08/10/1991, Mai Thị Lan A, sinh ngày 09/11/1995 và Mai Thị Hoài L, sinh ngày 29/10/2003. Hiện nay chỉ còn con chung là cháu Mai Thị Hoài L chưa đủ 18 tuổi và đang ở với bà. Khi ly hôn, bà L đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Mai Thị Hoài L, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020, bị đơn ông Mai Văn B trình bày: Ông thừa nhận về việc kết hôn, vợ chồng mâu thuẫn và về con chung. Nay, bà L xin ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên thì ông nhất trí với toàn bộ yêu cầu của bà L. Về việc nuôi con, ông nhất để bà L tiếp tục nuôi con chung chưa thành niên. Về tài sản: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2020, con chung là Mai Thị Hoài L trình bày: Cháu có nguyện vọng tiếp tục ở với bà Nguyễn Thị L.

Kết quả xác minh tại xã Giao Tiến thấy: Các đương sự trình bày là đúng. Bà Nguyễn Thị L có đủ điều kiện nuôi con chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xử vắng mặt. Vì vậy, có đủ cơ sở xét xử vắng mặt cả hai đương sự như quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn B có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn, đã sống ly thân nhiều năm nay do Ông B phải chấp hành hình phạt tù. Nay, bà L xin ly hôn, ông B nhất trí và đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, đủ cơ sở công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn B.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ nguyện vọng của các đương sự, của con chung và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu Mai Thị Hoài L - Sinh ngày 29/10/2003; Hội đồng xét xử đủ cơ sở giao cháu Mai Thị Hoài L cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Bà L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; bà L, Ông B có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn B.

2. Về việc nuôi con: Giao con chung chưa thành niên là Mai Thị Hoài L, sinh ngày 29/10/2003 cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001252 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Mai Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên